

CHÍNH TRỊ - LUẬT

CÁC LUẬN ĐIỂM VÀ BIỂU HIỆN CỦA HỌC THUYẾT SỨ MỆNH BÀNH TRƯỚNG TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA HOA KỲ

Nguyễn Lan Hương
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

I. Các luận điểm của học thuyết Sứ mệnh bành trướng

Những tư tưởng về sứ mệnh bành trướng¹ không chỉ tác động lên công chúng Hoa Kỳ nói chung, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ và giới tinh hoa hoạch định chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ nói riêng, mà còn trở thành một phần trong cách nhìn thế giới của họ; nói chung người ta cho rằng bản thân người Mỹ cũng hiểu cách nhận thức của họ về thế giới đã được định hướng. Hoa Kỳ là quốc gia gắn với Chúa hơn bất cứ quốc gia nào, Chúa của riêng Hoa Kỳ, luôn lặp lại với khẩu hiệu trong các dự luật Mỹ "In God We Trust" (Chúng ta tin vào Chúa). Dưới đây là 10 luận điểm về sự ảnh hưởng của thuyết Sứ mệnh bành trướng lên chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Và 10 luận điểm này có thể được coi là bảng quy chiếu để diễn giải những hành vi chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ.

1. Cấu trúc của thế giới

Cấu trúc của thế giới được thể hiện thông qua tính trật tự và là một hệ thống của những vòng tròn đồng tâm. Có bốn phần của thế giới, phân chia giữa Cái thiện và cái ác. Tâm điểm là Hoa Kỳ, bao quanh là vòng tròn trung

tâm. Vòng tròn trung tâm được cho là gồm các nước đồng minh - những nước thoả mãn ít nhất hai trong số ba đặc điểm: nền kinh tế thị trường tự do, tin vào Chúa cơ đốc và bầu cử tự do. Một công thức khác (không được vạch rõ ràng) xác định Trung tâm là "những nền dân chủ công nghiệp tiên tiến". Về lý tưởng, một quốc gia ở trung tâm sẽ thoả mãn cả ba tiêu chí trên, thêm vào đó là tiêu chí về sự giàu có, mặc dù tiêu chí này hầu như hàm ý bởi cả ba tiêu chí trên. Anh, Israel, Canada và một số nước khác như Đức, Pháp và Ý được coi là ở Trung tâm. Danh sách này được định ra thông qua những nước được tham gia vào các cuộc họp kinh tế hàng năm. Nhưng Nhật Bản hiện đã thay thế cho Israel, dù là nước không theo cơ đốc giáo, nhưng thay vào đó lại là nước giàu. Về nguyên tắc, những nền kinh tế thị trường tự do Hồi giáo với quá trình bầu cử dân chủ cũng có quyền được xét đến. Họ có thể thậm chí đứng cao hơn các nước Cơ đốc giáo có nền bầu cử dân chủ nhưng thị trường ít mang tính tự do và bị kiểm soát nhiều hơn bởi khu vực công trong nền kinh tế hỗn hợp chẳng hạn như nền dân chủ xã hội tại các quốc gia Bắc Âu. Và khi đó còn có khả năng thứ ba của một nền kinh tế thị trường tự do, theo Cơ

đốc giáo nhưng với nguyên tắc mệnh lệnh, một tình trạng thường thấy tại Nam Mỹ nhưng tiếc là những quốc gia này lại không giàu có. Trung tâm cũng có thể được xác định bởi các quốc gia trong NATO và EU, có thể mở rộng ra các nước OECD.

Vòng tròn tiếp theo là vùng ngoại vi, đặc biệt để ám chỉ nhóm các nước thế giới thứ ba. Họ thường là nước không giàu. Trong ba tiêu chuẩn, họ thường chỉ đáp ứng được một tiêu chuẩn.

Vòng tròn ngoài cùng chỉ các quốc gia "ma quỷ". Nguyên mẫu của các quốc gia này là không có nền kinh tế thị trường tự do, không tin vào Cơ đốc giáo, không có hệ thống dân chủ. Thực tế dù có giàu hay không thì nước XHCN không thể trở bước vào khu ngoại vi, đừng nói khu vực trung tâm.

Tuy nhiên, dù cấu trúc thế giới được miêu tả mang tính hệ thống hay trật tự của những vòng tròn đồng tâm, thì ý nghĩa của cấu trúc không thể chỉ được hiểu là một hệ thống, ví dụ như hệ thống các chỉ số kinh tế. Thực tế, những biệt ngữ mà Liên Hợp Quốc sử dụng thường ám chỉ khu vực ngoại vi **trùng** với các nước kém phát triển và **khu vực trung tâm** trùng với các nước **phát triển** hơn, thành LDC (kém phát triển), MDC (phát triển hơn) và WDC (Washington, DC). Việc trở thành các thành viên hay tham gia các liên minh cũng không phải là tiêu chí tốt bởi điều đó không thể phản ánh cốt lõi vấn đề xây dựng **trật tự thế giới** chỉ mang tính biểu thị mà thôi.

2. Hoa Kỳ không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm đảm nhận các đặc trưng của Chúa

Hoa Kỳ là nước **gân gù** nhất với Chúa, là đại diện của **Chúa** trên trái đất. Vì vậy, Hoa Kỳ **cần mang** ba đặc trưng của Chúa là: **thấu suốt mọi việc,**

quyền năng vô hạn và từ tâm. Tất nhiên từ tâm không phải là điều gì đáng ngờ. Nếu quốc gia nào đó nghi ngờ về sự từ tâm trong hành vi của Hoa Kỳ (dù đó có là hành vi khó hiểu đi chăng nữa) thì điều đó chỉ ra rằng quốc gia đó có thiên hướng của ma quỷ. Những quốc gia không có thiên hướng ma quỷ sẽ chấp nhận sự thô bạo như là điều không tránh khỏi khi trật tự thế giới bị đe dọa.

Tuy nhiên, sự thấu suốt mọi việc và quyền năng vô hạn không phải tự mà có. Chúng phải được tạo nên và điều này đòi hỏi tốn kém về kinh tế.

Cụ thể có nghĩa là Hoa Kỳ có quyền thực hiện sự giám sát tự động lên toàn thế giới, không chỉ với những quốc gia bị cho là có ý định đen tối mà còn với những quốc gia bị nghi ngờ có tố chất ma quỷ. Những ai bị rơi vào danh sách đen này của Hoa Kỳ thì không có lời bào chữa nào hết. Sự thấu suốt mọi việc hàm chỉ kiến thức, mà ai cũng biết, là đặc trưng của Chúa trong thế giới thông tin độc quyền. Biểu hiện cụ thể của hội chứng này là Cơ quan an ninh quốc gia NSA - tất cả cơ quan khác đều không có năng lực tương tự.

Biểu hiện cụ thể của hội chứng quyền năng là quyền lực để thực thi tất cả các loại sức mạnh ra toàn thế giới. Điều này đòi hỏi một loạt các công cụ sức mạnh cả vật chất và tinh thần. Đó là sức mạnh văn hoá - ví dụ thông qua các Cơ quan thông tin Hoa Kỳ USIA thực hiện truyền bá tiêu chuẩn, giá trị, tư tưởng như Đài tiếng nói Hoa Kỳ, Đài tự do châu Âu, Đài tự do; Là sức mạnh kinh tế - cả trong khu vực tư nhân (các tập đoàn tư bản) và trong khu vực công (sự giúp đỡ viện trợ của Mỹ - US aid); Có cả sức mạnh quân sự - vừa được thực hiện bởi Lầu năm góc, vừa được thực hiện

bởi CIA; Có cả sức mạnh chính trị, phối hợp với ba sức mạnh trên, không chỉ được thực thi tại Washington mà toàn thế giới.

3. Hành vi xung đột của Hoa Kỳ không giống bất cứ nước nào

Quốc gia gần nhất với Chúa sử dụng sức mạnh kinh hoàng tiềm năng tùy ý như thế nào? Điểm cơ bản là điều này không được thực hiện giống như các quốc gia tham gia xung đột khác. Hoa Kỳ không thành bên thứ hai trong xung đột. Nếu nước nào đó xung đột với Hoa Kỳ thì hàm ý là quốc gia đó sai lầm và nhiệm vụ của Hoa Kỳ là sửa sai. Hoa Kỳ thành bên thứ ba trong cuộc xung đột, trở thành người giải quyết xung đột, không giống với các nước khác. Nhưng Hoa Kỳ thành bên thứ ba trong xung đột chỉ có một bên và Hoa Kỳ như thế nào? Rất dễ dàng quốc gia kia sẽ gồm hai phe xung đột, trong đó Hoa Kỳ sẽ trở thành nước giúp phe tốt chống lại thế lực ma quỷ. Nhưng nếu quốc gia đó là ma quỷ và không có lực lượng tốt nào cần giúp đỡ thì sao, thì chỉ cần chỉ ra rằng quốc gia đó đen tối như thế nào. Tốt theo nghĩa nhận thức của Hoa Kỳ không chỉ là hợp lý mà còn là tự nhiên; nếu nhận thức này không được tuân thủ, điều đó là xấu xa, theo tư tưởng ma quỷ. Và quốc gia đó xứng đáng bị trừng phạt. Công cụ được sử dụng phù hợp với một nước tùy thuộc vào thứ bậc của họ trong trật tự thế giới. Công cụ khác nhau cho sứ mệnh khác nhau.

Với các nước thuộc khu Trung tâm, Hoa Kỳ, có thể sẽ là "honest broker" (người môi giới thành thật), nhắc nhở họ về trách nhiệm mà các quốc gia Trung tâm cần phải đáp ứng. Nói cách khác, sức mạnh văn hoá thuyết phục được thực hiện. Thêm vào đó, Hoa Kỳ sẽ cung cấp dịch vụ như nhà

giải quyết xung đột, là bên thứ ba dàn xếp bình đẳng, công bằng. Nếu tất cả những điều này không đủ thực hiện, sức mạnh kinh tế sẽ được viện tới nhằm tránh làm suy yếu sự thống nhất của khu Trung tâm.

Với các nước ngoại vi, công cụ được sử dụng sẽ mở rộng từ sức mạnh kinh tế tới sức mạnh quân sự. Một xung đột giữa hai nước thuộc khu vực ngoại vi giống như vụ đánh lộn trên đường phố. Nhiệm vụ của Hoa Kỳ là can thiệp, bắt giữ, có thể làm run sợ trong chốc lát bằng cách dạy cho cách cư xử văn minh là như thế nào. Nếu không đạt được kết quả, sức mạnh kinh tế sẽ được thể hiện, giống như cho họ một số tiền với điều kiện họ giữ hoà bình hoặc ít nhất không can dự vào xung đột và họ nhận thấy Hoa Kỳ thành nhà hoà giải. Nhiệm vụ của Hoa Kỳ là một người giữ trẻ, một cảnh sát, một "người chú" giàu có, hào phóng tìm cách giải quyết xung đột trong gia đình, buộc các thành viên phải có hành vi có thể chấp nhận được. Thuyết phục được hỗ trợ bởi sức mạnh là sự kết hợp giữa cây gậy và củ cà rốt.

Tuy nhiên, với các quốc gia ma quỷ, một cách tiếp cận hoàn toàn khác được áp dụng. Các nước này thực sự không chỉ không thể lay chuyển mà còn nguy hiểm với cả ba nhóm quốc gia trên, không chỉ huỷ hoại vật chất mà còn lây nhiễm về tinh thần. Nếu không thuyết phục được thông qua sức mạnh văn hoá của sự lôi cuốn về giá trị, nếu họ không tuân theo sức mạnh "lịch sử" theo tính toán chi phí - lợi ích (phần thưởng cho hành vi tốt và trừng phạt hoặc cấm vận cho hành vi xấu), khi đó sẽ chịu sự trừng phạt cuối cùng: phá huỷ, hoặc tàn phá. Vấn đề không biết mũi lòn, bám vào niềm tin dù có bị quyến rũ và đe dọa, có thể là bằng chứng cho một điều: nước đó

thuộc phe ma quỷ. Logic này tồn tại từ lâu trong đạo cơ đốc giáo truyền thống trong quá trình xét xử phù thủy của các toà án dị giáo là sử dụng lý lẽ: nếu anh thừa nhận có quỷ, tất nhiên anh là quỷ. Nhưng nếu anh không chịu khuất phục trước sức mạnh, khi đó sự không lay chuyển của anh chỉ có thể bắt nguồn từ Sa tăng. Nói cách khác trong trường hợp nào thì anh cũng vẫn là quỷ, nếu anh không được Chúa giúp thay đổi anh.

Cũng cần lưu ý rằng, những hành động của Hoa Kỳ sẽ không bị coi như sự trả thù cho bất kì những gì gây hại với Hoa Kỳ và công dân của Hoa Kỳ tại trong và ngoài nước. Trả thù thuộc về các quốc gia bình thường khác. Hoa Kỳ không có sự trả thù mà thực hiện nhiệm vụ giống như toà án hình sự vì lí do ngăn chặn chung, nhằm bảo đảm những người khác không mắc lỗi tương tự.

4. Dấu hàng vô điều kiện là kết cục duy nhất trong đấu tranh chống cái ác

Nếu chấp nhận một kết quả không phải là sự dấu hàng vô điều kiện thì Hoa Kỳ giống những quốc gia bình thường khác trong các cuộc xung đột. Các quốc gia thông thường có thể kết thúc bằng thoả hiệp, nhưng với Hoa Kỳ điều này chẳng khác gì sự thoả hiệp giữa cảnh sát và kẻ cướp. Nếu điều đó có xảy ra thì chỉ là sự phạm luật, không được phép. Luật pháp và công lý không được mua chuộc mà phải tôn trọng tuyệt đối. Nhiệm vụ của cảnh sát là bắt cướp, tuân thủ pháp luật dù có muốn hay không thì cũng vẫn phải đưa hấn ra trước công lý.

Như vậy, việc sở hữu vũ khí hạt nhân không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của Hoa Kỳ, nó không bình đẳng với các quốc gia khác, đặc biệt là

những quốc gia “ma quỷ”. Chấp nhận sự cân bằng là chấp nhận sự bình đẳng về tinh thần giữa sai và đúng, giữa Chúa và Sa tăng. Ai đồng ý với sự cân bằng, chưa kể tới sự thấp kém hơn, thì cũng đã có nghĩa là mong muốn Sa tăng chiến thắng, chống lại trật tự của Chúa.

Những gì trình bày ở trên không chỉ thể hiện sự hiện diện của Chúa mà còn là công thức chống lại cái ác. Cần có một người chịu trách nhiệm, biết hô hào để thoả thuận ra một địa vị mới trong trật tự thế giới. Nếu biết ăn năn, hối cải thì cho dù không được bước vào khu vực trung tâm cũng được bước vào khu vực ngoại vi. Đây chính là sự từ tâm của Hoa Kỳ. Với quốc gia ma quỷ, Hoa Kỳ khẳng định “tại sao tội ác được tha thứ”, quay đầu lại sẽ được ban cho cơ chế thị trường tự do, niềm tin cơ đốc giáo và bầu cử tự do. Dù không được phép bước vào địa hạt các quốc gia văn minh thì cũng có thể được bước vào quốc gia ở khu vực ngoại vi. Dù có trở nên giàu có mà thiếu ba nguyên tắc trên đi cùng thì cũng vẫn là ma quỷ - dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ hay theo cách nói khác là “nhờ sự chiếu cố của Hoa Kỳ”. Không nước nào có thể tạo ra Hoa Kỳ, Hoa Kỳ tạo ra chính mình, giống như Chúa vậy.

5. Không có ranh giới giữa Hoa Kỳ và Chúa

Nếu Hoa Kỳ là nơi gần với Chúa nhất thì điều này có nghĩa là không có ranh giới giữa Hoa Kỳ và Chúa, cũng có nghĩa là không có bất kì quốc gia nào, không có siêu lãnh thổ nào ở giữa Hoa Kỳ và Chúa.

Không một quốc gia nào có văn hoá cao hơn Hoa Kỳ, không có hệ tư tưởng, hoặc nền văn hoá cao hơn hệ tư tưởng và nền văn hoá của Hoa Kỳ nội

chung. Điều này nghĩa là gì? Liệu tôn giáo nào cao hơn niềm tin cơ đốc giáo? Liệu hệ tư tưởng nào cao hơn tư tưởng dân chủ, đặc trưng cho chủ nghĩa tư bản? Sự kết hợp này cùng với thể chế dân chủ được thực hiện thông qua sự hiện diện của Hoa Kỳ trên trái đất, và không có lý do nào cho thấy có sự xuất hiện một thể lực cao hơn.

Không một nền kinh tế nào lớn mạnh hơn nền kinh tế của Hoa Kỳ. Nếu có nền kinh tế nào có vẻ lớn mạnh hơn, thì chẳng qua cũng là do các tác nhân hoàn cảnh mà thôi (ví dụ như bất chước mô hình, thói quen của Mỹ, hoặc lương thấp, bán phá giá, ăn trộm bí mật công nghệ... Một khi những nhân tố này - ở mức độ nào đó được sự lơ đi hoặc rộng lượng của Hoa Kỳ - bị xoá bỏ, bản chất thực sự của mối quan hệ sẽ hé lộ ra, nghĩa là nền kinh tế Hoa Kỳ là hùng mạnh nhất.

Điều tương tự được áp dụng với vấn đề sức mạnh quân sự. Không tồn tại sự bình đẳng mà chỉ có sự tối thượng của Hoa Kỳ trên mọi chiến trường, và trong mọi hệ thống vũ khí. Nếu điều này không đạt được, khi đó cần nghiên cứu tìm ra vũ khí tối thượng, một vũ khí có thể tìm kiếm và trừng phạt cho dù có lãng phí, tốn kém như thế nào. Khả năng về tia lade phòng thủ được truyền vào khái niệm "chiến tranh giữa các vì sao", nhưng không phải trong công thức đã được tuyên truyền như Sáng kiến phòng thủ chiến lược, do sáng kiến này có thể khiến mọi người nghi ngờ về lòng từ tâm, về sự thấu suốt và quyền lực vạn năng của Hoa Kỳ trong khả năng của hệ thống vệ tinh do thám và tấn công lade.

Cũng không có quốc gia nào trên trái đất này sánh với Hoa Kỳ về chính trị. Chỉ có một tâm điểm của Trung tâm. Mọi quyết định cuối cùng phải là của Hoa Kỳ. Đồng minh cần được tư vấn và

nên biết ơn vì điều đó, không chỉ sau mà trước khi có đàm phán với ma quỷ. Trong các cuộc đàm phán với ma quỷ, thuyết một thân, một quỷ được kết hợp với nhau và sự hùng mạnh của Hoa Kỳ được khẳng định qua việc là quốc gia duy nhất đối mặt với ma quỷ, có thể chiến thắng ma quỷ, hoặc ít ra thì cũng kiềm chế được chúng.

Không một nguyên tắc, hoặc thể chế siêu quốc gia nào ở vị trí cao hơn Hoa Kỳ. Điều này cũng được áp dụng với Liên Hợp Quốc trừ phi tổ chức này được coi như trung gian để Hoa Kỳ thực hiện ảnh hưởng lợi ích ra toàn thế giới. Nói cách khác, chừng nào Hoa Kỳ còn chiếm ưu thế trong Liên Hợp Quốc thì chừng đó Liên Hợp Quốc còn không bị bác bỏ. Những nghị quyết, và hành động của tổ chức này khó có thể trái ngược với ý muốn của Hoa Kỳ. Công thức chung không phải là "nếu bạn không thể đánh bại thì tham gia" mà là "nếu bạn không thể đánh bại thì bỏ qua". Trong những trường hợp cụ thể như UNESCO, Hoa Kỳ thực sự rời bỏ tổ chức này. Cũng có khả năng Hoa Kỳ có hành động rời bỏ tổ chức dù thực tế Hoa Kỳ không tuyên bố hẳn việc rời bỏ. Việc này được Hoa Kỳ thường thực hiện trong một thời gian dài: đưa ra tất cả những quyết định lớn bên ngoài Liên Hợp Quốc, tạo ra diễn đàn đàm phán đặc biệt, biểu dương sự độc tôn, tách biệt và nằm trên đám đông. Nếu Liên Hợp Quốc được cho là tốt, khi đó Hoa Kỳ phải được công nhận là quốc gia tốt nhất. Nếu Hoa Kỳ không ở vị trí cao nhất khi đó Liên Hợp Quốc không thể được cho là tốt nhất.

Điều tương tự cũng xảy ra với luật quốc tế. Luật quốc tế thực sự có giá trị sẽ phải tương thích với lợi ích của Hoa Kỳ, một quốc gia mà tư tưởng đạo đức cơ bản không thể bị nghi ngờ. Nếu có

điều gì không tương thích, khi đó luật quốc tế đó sẽ vô giá trị. Kết quả là, Hoa Kỳ không chỉ có quyền không phải tuân thủ luật quốc tế mà còn có trách nhiệm không được pháp điển hoá các luật quốc tế đó, cũng như hoạt động của các cơ quan luật quốc tế. Trong từ chối phê chuẩn hoặc tuân thủ, Hoa Kỳ gửi dấu hiệu cho thế giới thấy là thế giới nên tốt hơn ghi nhớ và sửa đổi những trường hợp như vậy.

6. Hoa Kỳ là người quyết định duy nhất, không chịu trách nhiệm trước bất kì ai

Phải chịu trách nhiệm trước bất kì ai có nghĩa là tồn tại ranh giới giữa Hoa Kỳ và Chúa, một mâu thuẫn với nguyên tắc trên. Chịu trách nhiệm nghĩa là sự thông tục, giống như quốc gia thông tục khác. Giống như trong vụ Thủ tướng New Zealand yêu cầu Hoa Kỳ khẳng định không có vũ khí hạt nhân trên tàu mới cho tàu Hoa Kỳ cập cảng nước này trong những năm 1980. Chính sách của Hoa Kỳ thông qua là không khẳng định cũng không bác bỏ. Chỉ Hoa Kỳ mới quyết định cái gì trên tàu. Sự nhất quán giữa khẳng định và từ chối cần được nhấn mạnh. Chỉ có hai điều có thể giải thích cho hành vi này: nhắc nhở bản thân tự chịu trách nhiệm và như vậy là sẽ mang tính thông tục.

Hoa Kỳ không có trách nhiệm ràng buộc bởi các hành vi. Trong khi đó những quốc gia khác phải chịu sự ràng buộc trách nhiệm trước Hoa Kỳ cũng như thế giới về các hành vi của mình. Nhiệm vụ của họ là tuân thủ theo nguyên tắc về trật tự thế giới. Nhưng những hành vi mâu thuẫn, hoặc có vẻ giống như hành vi mâu thuẫn của Hoa Kỳ thì được cho là không cần thương lượng với những kẻ bắt giữ con tin, cũng như được quyền chuyển giao vũ

khí cho quốc gia hiếu chiến. Khả năng của các quốc gia thông thường hiểu cách Hoa Kỳ ứng xử bị hạn chế, giống như loài người thông thường bị hạn chế trong việc hiểu tư tưởng của Chúa. Có những hoàn cảnh mà cách hành xử của Hoa Kỳ trông có vẻ mâu thuẫn là cần thiết để phù hợp với tiêu chí mang bản chất giống Chúa.

7. Mỹ hoá như là cách xây dựng trật tự của Chúa

Nếu Hoa Kỳ gần với Chúa và dẫn đường cho các quốc gia khác, khi đó Mỹ hoá nghĩa là làm các quốc gia khác giống Hoa Kỳ, sẽ là cách hợp lý thực hiện trật tự thế giới trong đó Hoa Kỳ là biểu tượng.

Về nguyên tắc có bốn cách thực hiện tiến trình Mỹ hoá. Nó có thể được thực hiện thông qua các cá nhân và các quốc gia. Các cá nhân có thể nhập cư và các quốc gia có thể thành các bang của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ khi đó mở cửa cho mọi người tham gia, như điều đã xảy ra trong 200 năm lịch sử Hoa Kỳ. Hoặc là Hoa Kỳ có thể gây ảnh hưởng lên cá nhân và các quốc gia khác bằng cách khiến họ chấp nhận lối sống Mỹ, thậm chí cho dù ở cách xa Hoa Kỳ. Không còn gì tranh cãi, bất kỳ một quá trình nào trong bốn quá trình trên loại trừ ba quá trình còn lại.

Nội dung của Mỹ hoá chính là phát triển 3 nguyên tắc tư tưởng: thị trường tự do, niềm tin cơ đốc giáo và bầu cử tự do. Về cơ bản, bị Mỹ hóa hoặc trở nên giống với Hoa Kỳ là ý tưởng về một sự khởi đầu mới thông qua sự tham gia. Nói cách khác là được sinh ra một lần nữa: bằng cách tiến về phía Tây; bằng cách tham gia các phong trào cơ đốc giáo...

Điều này cũng bao gồm cả những cách trở nên giống Hoa Kỳ, chẳng hạn

tin vào chủ nghĩa cá nhân cạnh tranh, trở nên một người chơi tốt, hào hứng tham gia tổ chức nào đó, luôn đưa ra một giải pháp thay vì gây vấn đề, luôn mỉm cười; Cũng giống như các nền văn hoá khác, thoả mãn những nhu cầu cơ bản: có thức ăn để ăn, đồ uống để uống, quần áo để mặc, nhà để ở, sức khoẻ, giáo dục, công việc và giải trí. Và nó được tán công thông qua những biểu tượng văn hoá cố hữu của Hoa Kỳ như Coca Cola, bánh hăm-bơ-gơ Mc's Donal, thế giới trò chơi Disney Land.

Điểm chú ý về quá trình Mỹ hoá là không phải chấp nhận việc tương tác và quốc tế hoá toàn bộ nền văn hoá mà chú ý là không được chối bỏ Mỹ hoá. Chối bỏ có thể bị cho là có thiên hướng của quý; chấp nhận chỉ ra rằng có thiên hướng theo Chúa. Những ai chối bỏ một số biểu tượng Mỹ hoá có thể bị coi như chống lại Hoa Kỳ; nếu anh chống lại các chính sách của Washington, khi đó không có thông điệp nào khác là: anh đang thực hiện chống lại người Mỹ, bác bỏ địa vị của Hoa Kỳ như người dẫn đường cho quốc gia khác, giống như là đang chống lại trật tự của Chúa, mong muốn của Chúa. Khoảng cách giữa theo Mỹ và chống Mỹ, chấp nhận Mỹ hoá và chống lại Mỹ hoá là rất hẹp.

8. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ được hiểu như sự lựa chọn giữa trách nhiệm toàn cầu và sự có lập

Hoa Kỳ có thoả thuận với Chúa; quốc gia trung tâm và nhiều quốc gia ngoại vi có thoả thuận với Hoa Kỳ. Mong muốn thần thánh gắn kết giữa các thoả thuận: trung thành đang luôn tiếp diễn từ các quốc gia ngoại vi/trung tâm tới Hoa Kỳ và từ Hoa Kỳ tới Chúa. Trong khuôn khổ được xác định bởi hệ thống hoặc trật tự thế

giới, Hoa Kỳ chịu trách nhiệm toàn cầu, có nghĩa là Hoa Kỳ cần tổ chức thế giới theo các nguyên tắc do Hoa Kỳ định ra. Trách nhiệm toàn cầu cần có điều kiện của sự hiện diện toàn cầu, ít nhất cũng là thông qua các đồng minh đáng tin cậy, và bằng công nghệ thông qua các công cụ được chứng tỏ có quyền năng về sự thấu suốt và vô hạn. Chẳng có học thuyết phòng vệ quân sự nào mà bỏ qua tiêu đề "trách nhiệm toàn cầu": hệ thống vũ khí tầm xa và lưu động nhằm thực hiện trách nhiệm ở khu vực trung tâm của hệ thống trật tự thế giới, nhằm tạo ra sự tin cậy, tạo ra danh tiếng trước bạn bè cũng như kẻ thù.

Trong lịch sử chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ cũng luôn tồn tại một chiều hướng khác: là chủ nghĩa biệt lập. Tất nhiên cả hai vấn đề đều liên quan tới khả năng công nghệ giao thông liên lạc lúc đó, khiến trách nhiệm toàn cầu mang tính trách nhiệm khu vực nhiều hơn, có thể thậm chí mang tính quốc gia như trong thế kỉ 19 và thế kỉ 20, chỉ sau thế chiến 2 nó mới thực sự toàn cầu. Vậy tại sao, bên cạnh chiều hướng về trách nhiệm toàn cầu lại có chỗ cho chủ nghĩa biệt lập. Có hai câu trả lời cho vấn đề này:

Thứ nhất là thiếu khả năng. Có những giai đoạn mà Hoa Kỳ thiếu khả năng thấu suốt mọi việc hoặc quyền năng vô hạn, hoặc cả hai. Đó là những giai đoạn khi mà những công cụ thiết lập trật tự thế giới của Hoa Kỳ không có sẵn trong tay vì một lý do đơn giản là không đủ tiền. Hoặc cũng có thể là do thiếu sự hiểu biết trong nước về nhu cầu cần có khả năng và sẵn sàng sử dụng khả năng. *Thứ hai* là thiếu động cơ. Hoa Kỳ có thể rơi vào chủ nghĩa biệt lập vinh quang, cảm thấy bị từ chối bởi những

đồng minh bất hợp tác, thậm chí là những đồng minh vô ơn. Nếu mọi người không muốn làm điều tốt cho bản thân họ thì tại sao lại buộc họ phải làm? Không phải tốt hơn là nên chờ cho tới khi họ nghĩ ra, sau khi họ nói chuyện với ma quỷ và sẵn sàng được để được ánh sáng dẫn đường? Tất nhiên, vào lúc đó có thể là quá muộn. Cánh cửa mở ra sẽ bị đóng lại, sẽ có cơ hội thứ hai của lòng biết ơn, sự từ tâm của Hoa Kỳ.

9. Thoả thuận là hàm ý, không rõ ràng

Khi được nói thẳng ra, hoặc làm rõ ràng thì thoả thuận có thể rất lộ bạch. Công thức là không đưa bất cứ điều gì ra dưới ánh sáng mặt trời. Những ai có sáng kiến về thoả thuận biết nó nghĩa là gì, không cần có công thức rõ ràng, không cần được lặp lại: một nụ cười quen thuộc, một cử chỉ nhỏ, một cái nhún vai - ngôn ngữ cơ thể đã nói rất nhiều điều cho những ai tham gia thoả thuận, nhìn quanh xác định những ai tham gia. Tài năng của 43 tổng thống Hoa Kỳ nhất quán với điều này: giạt dây thoả thuận, đôi khi là rõ ràng, nhưng thường được biểu thị và khơi gợi hơn là kích thích.

Đặc biệt hơn, không nên nhất quán về Juda phản Chủ hay giáo lý cơ đốc giáo như điều kiện tiên quyết gắn với thoả thuận. Một thoả thuận để mở cho những ai chấp nhận nó cho dù nếu họ chưa sẵn sàng thực hiện hoặc thậm chí có thể chối bỏ. Hoa Kỳ tuyên bố tách biệt giữa nhà nước và nhà thờ nhưng không tách biệt giữa nhà nước và tôn giáo. Nói cách khác, địa phận giữa nhà thờ và tôn giáo không bao giờ được vạch rõ. Reagan là tổng thống được bầu trên cơ sở sự ám chỉ tôn giáo; Robertson bị thất cử chính xác vì lí do: tôn giáo của ông ta quá rõ ràng. Kết quả về chính

sách đối ngoại có thể rút ra rất giống nhau nhưng những hứa hẹn trong đời sống hiện thực cũng rất quan trọng như các kết quả vậy.

Kết quả là, toàn bộ hệ thống do Hoa Kỳ chiếm ưu thế nói chung và Hoa Kỳ là tâm điểm nói riêng cần có ngôn ngữ mà trong đó chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ như hệ luận về số phận có thể được biểu đạt, nhưng không phải theo những cách hoàn toàn không có cơ sở. Sự bất hợp lý hiện tại cũng giống như sự hợp lý trong văn hoá, cho dù trên cơ sở cơ đốc giáo, cũng có hình thức hợp lý riêng biệt hiện diện. Cơ sở cơ bản của luận điểm này là lý thuyết quan hệ quốc tế của Hoa Kỳ được vạch ra nhằm cung cấp một loại ngôn ngữ mà tất cả các kết quả được vạch ra theo những tiên đề phù hợp theo học thuyết cũ của Laplace về Chúa: Tôi không cần giả thuyết. Tất cả lý thuyết quan hệ quốc tế về việc xây dựng một hệ thống quốc tế chỉ dựa trên hai sự lựa chọn: trật tự hay hỗn loạn. Nếu hỗn loạn không được lựa chọn thì lựa chọn là trật tự. Trong trật tự, kẻ mạnh nhất là kẻ ở tâm điểm. Điều này giống như trong thời chiến tranh lạnh cần phải đưa ra lựa chọn giữa hai ứng viên Hoa Kỳ và Liên Xô - cho cùng câu hỏi bạn thích ai hơn? Không có lựa chọn thứ ba.

Theo một nghĩa nào đó, chủ đạo trong lý thuyết của Hoa Kỳ về quan hệ quốc tế là lý thuyết thế tục về hệ thống, đại diện cho nó là sự hợp lý hoá về thị trường. Một ai đó có thể hi vọng mở rộng trách nhiệm toàn cầu thay vì theo thuyết biệt lập, nhưng trong trường hợp đó thì các nhà khoa học chỉ ra rằng họ chú ý tới các quan hệ trong nước hơn là quan hệ quốc tế

10. Lựa chọn chính sách của Hoa Kỳ tương ứng với các thoả thuận

Không ai có thể chắc chắn giả định là Hoa Kỳ sẽ tiếp tục sống trong huyền thoại về sự lựa chọn của Chúa bao lâu, tiếp tục trong thế kỉ này và có còn trong các thế kỉ tiếp đó hay không. Tước bỏ ý tưởng của người được lựa chọn khỏi dân Mỹ cũng giống như việc phá hoại hình ảnh của Hoa Kỳ, làm sụp đổ đất nước Hoa Kỳ vậy. Dù đó có phải là một lời nói dối hay không, việc bác bỏ huyền thoại có hàm ý sâu sắc hơn là sự bất hạnh, nó cho thấy một hình thức của sự không hội nhập.

Vì vậy có thể Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tự nhìn nhận mình như những người được lựa chọn, như một biểu tượng hoặc ít nhất là công cụ chủ yếu của Chúa trong cộng đồng thế giới. Điều này là chìa khoá quan trọng cho tương lai. Chìa khoá là Chúa. Để thay đổi chính sách đối ngoại mà không thay đổi những huyền thoại sâu xa của nó cũng giống như theo đuổi một bữa ăn kiêng giảm cân mà không thay đổi lối sống. Điều này sẽ là vô ích vì không lâu sau căn bệnh lại sẽ tái phát. Tuy nhiên, thay đổi sự ẩn dụ ít nhất cần thay đổi từ ý định tới thay đổi khái niệm về Chúa. Và sự thay đổi này kéo theo sự bác bỏ ý tưởng Hoa Kỳ là nơi ở cho những con người được Chúa lựa chọn, Hoa Kỳ tiếp tục là số một, vì vậy là nơi ít hiếu chiến ít bạo lực nhất trên thế giới.

II. Một số biểu hiện của học thuyết Sứ mệnh bành trướng trong Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ

1. Sự phát triển của học thuyết Sứ mệnh bành trướng trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ

Ý tưởng về Sứ mệnh bành trướng bắt nguồn từ cơ sở hợp lý hoá cho tư tưởng bành trướng cho chính sách đối

ngoại của Hoa Kỳ. Nhưng luận điểm này không chỉ dừng lại ở đó mà nó còn tiếp tục được mở rộng và phát triển thêm phù hợp với nhu cầu lợi ích và sự phát triển của Hoa Kỳ.

Anderson Stephanson nhấn mạnh niềm tin vững vàng về quyền Hoa Kỳ được mở rộng là quyền lực mà Chúa dành cho những người được Chúa lựa chọn, nhằm tạo cơ sở pháp lý hợp lý cho chiến tranh và chiếm hữu lãnh thổ. Chiến thắng Mexico trong những năm 1840 và sau đó là chiến tranh với Tây Ban Nha vào năm 1890 mở đầu cho sự hình thành đế quốc². Những bộ phận của hệ tư tưởng này được bày tỏ trong niềm tin về “gánh nặng của người da trắng”, cùng với sự phát triển của chủ nghĩa Darwin xã hội và mở rộng của giáo lý Cơ đốc, cùng sự mở rộng quyền lực của thực dân châu Âu sang Tây bán cầu vào năm 1823. Khi kĩ nguyên chiếm hữu dẫn đại kết thúc cùng với sự hoàn thành biên giới Hoa Kỳ vào năm 1890, ý tưởng này tiếp tục phát triển nhằm mở rộng vượt ra đại dương mặc dù George Washington trước đó đã cảnh báo tránh can dự nước ngoài.

Một đặc trưng nổi bật của sự mở rộng vượt ra ngoài đại dương là mong muốn chống lại sự man rợ của thực dân châu Âu trong việc chiếm đoạt lãnh thổ thông qua chiến tranh vũ trang. Can dự ngoài châu lục được báo trước bởi tư tưởng tự do của Hoa Kỳ nhằm chống lại sự man rợ³. Đánh bại Tây Ban Nha ở Cuba và Philippine năm 1898, tiếp đó là tiến tới vùng Caribbean và Trung Mỹ, nơi mà ổn định an ninh luôn được ưu tiên hơn thúc đẩy dân chủ. Theodore Roosevelt, một tín đồ trung thành của thuyết sứ mệnh bành trướng nhận thấy không có lí do nào, không có day dứt nào trong sử dụng biện pháp quân sự nhằm sửa

sai, trong khi phát triển ý tưởng về chủng tộc tối thượng đàn áp những con người “thấp kém”. Thúc đẩy nhân quyền chống lại sự đàn áp của Tây Ban Nha lại lần nữa được sử dụng làm cơ sở hợp lý trong xem xét vị trí chiến lược và vai trò thương mại của việc chiếm được khu vực kênh đào Panama và chiếm hữu nốt đảo Hawaii, cơ sở mới cho phát triển hải quân của Hoa Kỳ.

Một thế kỷ sau, Tổng thống Woodrow Wilson đưa ra ý tưởng thuyết phục đạo đức là trách nhiệm can thiệp quân sự vào Cộng hòa Dominica và Haiti. Tại hội nghị Versailles, Wilson là người nêu ý tưởng nguyên tắc tự do hiện thực về quyền tự quyết của quốc gia cũng như việc xoá bỏ đàn áp của chế độ thực dân. Wilson mong muốn thiết lập Hội quốc liên, nhưng điều này không bao giờ được Quốc hội Hoa Kỳ phê chuẩn và dẫn tới sự suy yếu của quân Liên minh và khủng hoảng chính trị trong những năm 1930. Franklin Roosevelt thành công hơn trong thành lập Hiến chương Đại Tây dương xác định mong ước sau chiến tranh gồm cả việc kết thúc sự mở rộng thực dân của châu Âu. Chiến thắng trong hai cuộc chiến tranh thế giới và với chương trình Marshall, uy tín của Hoa Kỳ được đảm bảo. Tuy nhiên, những người kế nhiệm của Roosevelt, nhanh chóng lún sâu vào vũng lầy trong chiến tranh Việt Nam, trên cơ sở chính sách kiềm chế cộng sản với lo ngại về hiệu ứng domino sẽ lan từ miền Bắc sang miền Nam Việt Nam.

Kể từ đó, bài học xương máu được rút ra từ sự thất bại của việc rút quân mà không có đảm bảo chiến thắng trên cơ sở học thuyết Weinberger/Powell: không bao giờ can thiệp nếu không có sự ủng hộ của công chúng và Quốc hội Hoa Kỳ và chỉ

khi mà lợi ích sống còn của Hoa Kỳ bị đe dọa. Chính sách nổi tiếng này coi biện pháp quân sự là biện pháp cuối cùng. Với nhiều người trong Chính quyền Bush, chiến lược này đang đi ngược lại với lợi ích lớn nhất của Hoa Kỳ là hành động như một “bá quyền rộng lượng đảm bảo trật tự”. Mở rộng cam kết, bao gồm chiếm các vùng lãnh thổ đã có chủ là cần thiết nhằm thiết lập nhân quyền và tiêu chuẩn dân chủ nhằm đảm bảo thắng lợi trước ma quỷ⁴. Điều này làm cơ sở cho lập luận về chiến tranh tổng lực tại Iraq (dù không có bằng chứng dính tới vũ khí hủy diệt hàng loạt hay tổ chức khủng bố Al Qaeda), cho thấy chiến lược này được thực hiện nhằm tạo vị trí chiến lược tại Iraq và tập hợp lực lượng.

Sự phát triển tương ứng của Sứ mệnh bành trướng và ý tưởng quốc gia dân tộc duy nhất được Chúa lựa chọn tiếp tục in đậm trong các bài phát biểu của lãnh đạo Hoa Kỳ và tiếp tục là cơ sở để biện hộ cho chủ nghĩa biệt lệ Hoa Kỳ. Tổ tiên của họ được thúc đẩy bởi tư tưởng những người Tin lành Anh cần có một nhà thờ độc lập và sau đó là một đế quốc, với kết quả thảm khốc khi giấc mơ bị sụp đổ buộc phải từ bỏ địa vị đế quốc và toàn cầu. Những tranh cãi không ngừng về bản sắc người Anh và giảm dần sự tôn kính và giá trị truyền thống là những lỗ hổng bị để lại trong thuyết Sứ mệnh bành trướng. Ngược lại, vỏ bọc sứ mệnh bành trướng đè nặng lên Hoa Kỳ hiện nay, lại tìm thấy âm hưởng trong những bài phát biểu chính trị về vai trò lịch sử đã lỗi thời⁵. Các nhà chính trị định nghĩa trách nhiệm toàn cầu của Hoa Kỳ vượt ngoài đại dương được thúc đẩy bởi hình ảnh của một đế quốc văn minh, mang lợi ích tự do, dân chủ và thương mại cho những người ít may mắn hơn.

Tuy nhiên, nếu sự bành trướng do định mệnh của Hoa Kỳ được xác định như thúc đẩy nhân quyền và dân chủ, những điều Liên Hợp Quốc vẫn ủng hộ, thì tại sao Hoa Kỳ lại thụ động trong nhận thức và động cơ để thực hiện là gì? Hành vi khó hiểu nhất là ở Trung Đông: ủng hộ cho Israel, không tuân thủ Liên Hợp Quốc và gây hại cho người Palestine. Thứ hai là chỉ trích về vai trò của Hoa Kỳ ở nước ngoài và mong muốn có uy tín nhưng lại hành động đơn phương. Hiện nay, tư tưởng về chiến tranh đánh đòn phủ đầu có nguồn gốc từ những ngày đầu lập quốc của Hoa Kỳ và sau đó được mở rộng thành cơ sở pháp lý cho lời nói hoa mỹ về một “đế quốc tự do”⁶.

2. Một số biểu hiện của Sứ mệnh bành trướng trong chính sách đối ngoại hiện nay của Hoa Kỳ

Diễn văn nhậm chức lần thứ hai của Bush chủ yếu nhằm hợp lý hoá cho chính sách đối ngoại của mình. Và giống như những diễn văn về chính sách đối ngoại khác, đều hàm ý gắn Hoa Kỳ với “kêu gọi”, nhiệm vụ được giao phó bởi “Đấng Chúa trời” và “Tác giả của tự do”. Như Bush tuyên bố, lịch sử của Hoa Kỳ “có xu hướng rõ ràng, được vạch ra bởi tự do và Tác giả của tự do”.

Diễn văn của Bush cũng giống như diễn văn của các tổng thống tiền nhiệm khác về số lượng những hàm ý gắn với Chúa, nhưng đây không phải là điều gì bất bình thường trong việc một tổng thống Hoa Kỳ mô tả vai trò của quốc gia trong hệ thống thế giới bằng ngôn từ mang màu sắc tôn giáo. Trong lễ nhậm chức của mình, John Adams cũng đã cảm ơn “Đức Chúa cai quản đã bảo vệ đất nước này...”. Năm 1919, Woodrow Wilson đã cam kết thông qua sự ủng hộ Hội Quốc Liên,

Hoa Kỳ sẽ lãnh đạo “cứu vớt thế giới”. Trong thế chiến hai, Roosevelt tuyên bố trong thông điệp gửi Quốc hội năm 1942: “Chúng ta cùng sự ủng hộ của chính mình đang nỗ lực thực sự trở thành người kế thừa thần thánh”.

Và nhiều quan chức cao cấp của Hoa Kỳ cũng gọi lên sứ mệnh của đất nước này như trong diễn văn của Bush - Hoa Kỳ được Chúa giao phó nhằm đạt được “mở rộng tự do trên toàn thế giới”. Tuy nhiên, điều khác với những tổng thống khác là áp dụng sự huấn thị tôn giáo trong những hoàn cảnh khác nhau như thế nào để không những chỉ ra được mục tiêu cơ bản mà còn tô vẽ cho cách lý giải về thế giới hiện thực để đạt được những mục tiêu cơ bản đó.

Ba tư tưởng có thể nhận thấy thường xuyên xuất hiện trong phát biểu của Bush về chính sách đối ngoại bắt nguồn từ tôn giáo và luôn in đậm trong lịch sử của Hoa Kỳ. Đầu tiên là tư tưởng “quốc gia được Chúa lựa chọn” - từ tư tưởng “nơi hi vọng cuối cùng và tốt nhất trên thế giới” cho tới “quốc gia không thể thiếu được” của Madeleine Albright.

Tư tưởng thứ hai là tư tưởng Hoa Kỳ có sứ mệnh cải tạo thế giới. Trong tranh cãi về việc sát nhập Philippine, Thượng nghị sĩ Albert tuyên bố Chúa “biểu lộ Hoa Kỳ là quốc gia được Chúa lựa chọn cho sự lãnh đạo cuối cùng trong việc cứu vớt thế giới”. Richard Nixon trong chiến dịch 1960 khẳng định “Hoa Kỳ xuất hiện trên thế giới 180 nước trước đây không chỉ mang lại tự do cho chúng ta, mà còn mang tự do ra toàn thế giới”. Và trong năm 2004, Bush cũng khẳng định “là cường quốc hùng mạnh nhất trên Trái đất này, chúng ta có trách nhiệm giúp phát triển tự do... Đó là vì chúng ta được kêu gọi làm như vậy...”.

Tư tưởng thứ ba là để thực hiện sứ mệnh này, Hoa Kỳ đại diện cho thế lực cái thiện chống lại cái ác. Franklin nói về xung đột Đức - Nhật trong thế chiến hai "Không bao giờ có - không bao giờ có thể có thoả hiệp thành công giữa cái thiện và cái ác". Và George W. Bush tuyên bố trong West Point tháng 5 năm 2003 "Chúng ta đang trong cuộc chiến giữa cái thiện và cái ác, và Hoa Kỳ sẽ gọi tên cái ác theo đúng nghĩa của nó".

Những tư tưởng này hợp lại hình thành khung nhận thức của người Mỹ - bất cứ niềm tin tôn giáo hoặc thiếu niềm tin tôn giáo nào của họ - cũng như cách họ nghĩ về vai trò của Hoa Kỳ trên thế giới. Và những vấn đề riêng của khung nhận thức đó - loại thế giới mà Hoa Kỳ muốn xây dựng và quốc gia nào là vật cản đã thay đổi rất nhiều trong hơn hai thế kỉ qua. Thế hệ đầu tiên của người Mỹ cho rằng họ có sứ mệnh mang lại một "đế chế tự do" - ngôn từ của Jefferson chống lại sự đàn áp của những tên bạo Chúa trong Thế giới cũ; những người dân chủ theo Jacksonian muốn xây dựng một nền văn minh Cơ đốc giáo chống lại sự man rợ; thế hệ của Theodore Roosevelt muốn phát triển nền văn minh Anglo - Saxon chống lại sự man rợ và tàn ác; Wilson và những người kế nhiệm muốn tạo ra một trật tự dân chủ toàn cầu chống lại phát xít Đức, và chủ nghĩa cộng sản. Nhưng khung nhận thức cơ bản của một quốc gia được lựa chọn chính là tìm cách cải tạo thế giới.

III. Kết luận

Người Mỹ xem sứ mệnh bành trướng của họ bắt nguồn từ đâu? Nó bắt nguồn từ Chúa. Niềm tin thần thánh đã xuất hiện ngay từ năm 1630 khi John Winthrop khẳng định New

England là ngôi nhà được Chúa cầu nguyện qua hình ảnh "Thành phố trên đồi", Chúa sẽ "vui lòng coi chúng ta như những thân dân của riêng mình"⁷. Việc định cư của người hành hương và người Thanh giáo giống như lịch sử tôn giáo về "miền đất hứa" ban cho số phận của Hoa Kỳ. Quan điểm này phát triển và chiếm ưu thế giữa thế kỷ 19, khi John O'Sullivan tuyên bố sứ mệnh thần thánh của Hoa Kỳ là quản lý toàn lục địa và khi đó sẽ tạo dựng "trên trái đất một nơi được Chúa cứu vớt và phẩm giá đạo đức của con người"⁸. Hình ảnh này được chuyển tải vào trong hệ tư tưởng thế tục về mở rộng lãnh thổ quốc gia dựa trên sự tự trị và theo đuổi tự do. Như O'Sullivan đã viết vào thời điểm đó, khẳng định của Hoa Kỳ "là quyền của số phận hiển nhiên của chúng ta phát triển và sở hữu toàn bộ Lục địa mà Chúa đã ban cho chúng ta nhằm phát triển tự do và liên bang tự trị mà chúng ta được giao phó"⁹. Theo tư tưởng này, Hoa Kỳ có số phận do Chúa giao phó, điều luôn được khẳng định trong các diễn văn nhậm chức của tổng thống Hoa Kỳ. Mọi người thấy rằng Chúa luôn "phù hộ" cho Hoa Kỳ và sứ mệnh của Hoa Kỳ trên thế giới, trừ sứ mệnh được đưa ra trong lễ nhậm chức nhiệm kỳ hai của Thomas Jefferson (do diễn văn này chỉ gồm vài đoạn)¹⁰. Như Albert Weinberg minh chứng trong nghiên cứu toàn diện về hiện tượng "sứ mệnh bành trướng" của nước Mỹ, tây tiến tại lục địa Mỹ (và gần như tiêu diệt toàn bộ những người Mỹ bản xứ ngoại đạo) được hợp lý hoá bởi liên hệ với ý trời, "quyền tự nhiên", đáng sáng tạo và "ý Chúa"¹¹. Khi William McKinley quyết định biến Philippines thành thuộc địa của Hoa Kỳ trong chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha, ông ta làm vậy sau khi cầu

nguyện cả đêm. Vào buổi sáng, Chúa đã cho ông ta lý do hợp lý: nước Mỹ sẽ giúp Philippines “nâng cao, văn minh hoá và Thiên Chúa hoá” người bản xứ. Kết quả là chiến tranh thực dân kéo dài từ 1899 tới 1902 đã cướp đi mạng sống của 4.234 người Mỹ và 220.000 người Philippines.

Vào thời điểm đó, sự mở rộng của Chúa thành cái mà Benedick Anderson gọi là “cộng đồng tương tượng” của Hoa Kỳ được sử dụng vì những lí do lớn hơn, những gì nguồn gốc ban đầu về liên minh giữa Chúa và số phận lục địa của Hoa Kỳ bây giờ trở thành sự khẳng định của Chúa rằng số phận hiển nhiên của Hoa Kỳ đồng nghĩa với số phận của thế giới. Thực tế là Tổng thống George W. Bush đang “tử chiến” vì tự do dân chủ - *“niềm tin dân chủ lớn hơn cả tin ngưỡng của đất nước chúng ta, nó là hi vọng bẩm sinh của loài người - một sự tin cậy mà chúng ta phải mang và tuân theo”*¹² và sẽ được “mang theo” cùng với sự giúp đỡ của quân đội Mỹ là điểm cơ bản trong thực hiện chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ không chỉ là chủ thể trong quan hệ quốc tế mà còn là chủ thể đặc biệt, bởi vì với vai trò cường quốc của mình, hầu như mọi hành vi, chính sách của nước này không ít thì nhiều đều tác động lên quan hệ quốc tế. Chính những hành vi của Hoa Kỳ, với niềm tin về “sứ mệnh bành trướng” đã đặt ra nhiều vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện nay: quyền lực của Hoa Kỳ trong hệ thống quốc tế (bá quyền

và đế quốc), thực thi sức mạnh của Hoa Kỳ thông qua quyền lực mềm, phong trào chống Mỹ... Tuy nhiên, những vấn đề này sẽ được đề cập tới trong những nghiên cứu tiếp theo ■

Chú thích:

- 1) Tham khảo thêm bài “Nguồn gốc lịch sử của học thuyết Sứ mệnh bành trướng trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ” của Nguyễn Lan Hương in trong Tạp chí Châu Mỹ ngày nay số 10/2006
- 2) A. Stephanson, Manifest Destiny: American Expansionism and the Empire of Right, New York, Hill & Wang, 1966.
- 3) M. Boot, The Savage Wars of Peace: Small Wars and the Rise of American Power, New York, Basic Books, 2002.
- 4) D. Frum, & R. Perle, An End to Evil: How To Win The War On Terror, New York, Random House, 2004
- 5) C. Longley, Chosen People: The Big Idea that Shapes England and America, London, Hodder & Stoughton, 2002
- 6) J.L. Gaddis, Surprise, Security, and the American Experience, Cambridge, MA, Harvard University Press, 2004.
- 7) <http://www.mtholyoke.edu/acad/intrel/winthrop.html>
- 8) John L. O'Sullivan (1839) 'The great nation of futurity,' The United States Democratic Review, 6(23), pp. 426-430.
- 9) C.N. Degler, Out of Our Past: The Forces That Shaped Modern America. New York and Evanston, Harper & Row, 1962, p. 110.
- 10) See the addresses posted by the Avalon Project of Yale University Law School at <http://www.yale.edu/lawweb/avalon/presiden/inaug/inaug.htm>
- 11) Albert Weinberg (1963) Manifest Destiny, Chicago: Quadrangle Books
- 12) George W. Bush, Inaugural Address, 20 January 2001